

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Phúc Định
- Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Thanh và ông Vũ Khắc Hoàn
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành Chung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp không công nhận vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Q**, sinh năm 1980. Nơi thường trú: **khu C, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**, vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn K**, sinh năm 1974. Nơi thường trú: **khu E, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**, vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Đào Thị Q** trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh **Lê Văn K** về chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương tại **khu E, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh** mà không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống tôi và anh **K** hạnh phúc đến khoảng năm 2006 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh **K** thường xuyên đánh đập, chửi mắng tôi vợ chồng không có hạnh phúc. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay, mỗi người sống một nơi. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm với anh **K** nữa nên tôi khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận tôi và anh **Lê Văn K** là vợ chồng.

Về con chung: Tôi và anh **Lê Văn K** có hai con chung là **Lê Văn B**, sinh năm 1998 và **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Tôi và anh **K** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai anh **Lê Văn K** có quan điểm: Tôi và chị **Đào Thị Q** về chung sống như vợ chồng vào năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống tại **khu E, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay. Nay chị **Q** yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, tôi đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là **Lê Văn B**, sinh ngày 06/7/1998 và **Lê Thị Huyền T**, sinh ngày 24/8/2002. Các con chung đã thành niên nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh tại **khu E, phường N, thị xã Q**, đại diện khu cho biết: chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** về chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới cả hai chung sống tại **khu E, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**. Quá trình chung sống cả 2 không yêu cầu khu hòa giải mâu thuẫn, chỉ biết cả 2 có xảy ra bất đồng quan điểm sống và sống ly thân từ năm 2006. Nay chị **Q** đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị **Q** và anh **K** có 02 con chung là: **Lê Văn B**, sinh năm 1998 và **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 2002. Cả 2 cháu đã thành niên.

Kết quả xác minh Ủy ban nhân **phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh** xác nhận: Sau khi tra cứu giữ liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân **phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh** thấy chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K**, sinh năm 1974 không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân **phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**.

Kết quả xác minh Ủy ban nhân **phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh** xác nhận: Sau khi tra cứu thông tin lưu trữ tại Ủy ban nhân **phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh** thấy chị **Đào Thị Q**, sinh năm 1980, trú tại: **khu C, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh** không đăng ký kết hôn với anh **Lê Văn K**, sinh năm 1974 tại Ủy ban nhân **phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đào Thị Q**, không công nhận quan hệ giữa chị **Đào Thị Q** và

anh **Lê Văn K** là vợ chồng; về con chung, các con chung đã thành niên các đương sự không có yêu cầu giải quyết; tài sản chung và vay nợ chung, các đương sự không có, không yêu cầu giải quyết; về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Đào Thị Q** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với bị đơn anh **Lê Văn K**, có địa chỉ cư trú tại **khu E, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**, nên căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (*có đơn xin xử vắng mặt*), căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Cả hai chung sống với nhau đến năm 2006 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ và cảm thông cho nhau và không còn chung sống cùng nhau nữa. Trong quá trình chung sống từ năm 1997 cho đến năm 2024 mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng cả hai không đăng ký kết hôn. Quá trình xác minh khu phố, Ủy ban nhân dân phường N và Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Q xác nhận chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** có thời gian dài chung sống cùng nhau và có con chung nhưng căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 và khoản 2 Điều 6 Luật Hộ tịch năm 2014, thì xác định chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** không phải là vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện không công nhận vợ chồng của chị **Đào Thị Q** có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** trình bày có 02 (Hai) con chung là: **Lê Văn B**, sinh năm 1998 và **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 2002. Căn cứ kết quả xác minh, giấy khai sinh của các con chung do chị **Q** nộp, đều thể hiện bố, mẹ của các cháu **Lê Văn B**, sinh năm 1998 và **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 2002 là chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K**. Nên có cơ sở khẳng định các cháu **Lê Văn B**, sinh năm 1998 và **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 2002 là con chung của chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K**. Các con chung **Lê Văn B**, sinh năm 1998 và **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 2002 đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất tâm thần, chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** không yêu cầu giải quyết, xét thấy quan điểm của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, được Hội đồng

xét xử chấp nhận, nên không xem xét giải quyết, là phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về vấn đề khác: chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị **Đào Thị Q** phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đào Thị Q**.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị **Đào Thị Q** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị **Đào Thị Q** đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003879 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** vắng mặt. Báo cho chị **Đào Thị Q** và anh **Lê Văn K** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Quảng Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Yên;
- UBND phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên;
- UBND phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phúc Định

- Lưu hồ sơ, VP./.